

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024  
đã được soát xét

Được soát xét bởi:  
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ**

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2024**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 – 04
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05 – 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	07 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	12 – 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	14 – 96



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024.

### CÔNG TY

#### 1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 30 ngày 01 tháng 06 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 4.206.517.150.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

#### 2 Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây lắp, thương mại và dịch vụ.

#### 3 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường bộ (Mã ngành 4212);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành 4299);
- Xây dựng nhà để ở (Mã ngành 4101);
- Xây dựng nhà không để ở (Mã ngành 4102);
- Xây dựng công trình điện (Mã ngành 4221);
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước (Mã ngành 4222);
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc (Mã ngành 4223);
- Xây dựng công trình công ích khác (Mã ngành 4229);
- Xây dựng công trình đường sắt (Mã ngành 4211);
- Phá dỡ (Mã ngành 4311);
- Chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành 4312);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2599);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (Mã ngành 4659);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Mã ngành 4662);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành 4663);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Mã ngành 4932);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành 4933);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Mã ngành 5229);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành 7110);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4511);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 4669);
- Sản xuất than cốc (Mã ngành 1910);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành 5510);



### **3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành 5610);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành 6810);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Mã ngành 6622);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (Mã ngành 3312);
- Lắp đặt hệ thống điện (Mã ngành 4321);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Mã ngành 4329);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Mã ngành 4330);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành 4390);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (Mã ngành 4322);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành 7120);
- Sửa chữa thiết bị điện (Mã ngành 3314);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Mã ngành 4651);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Mã ngành 3320);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 3290);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (Mã ngành 3313);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã ngành 0810);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 0899);
- Xây dựng công trình thủy (Mã ngành 4291);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (Mã ngành 5011);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Mã ngành 5021);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Mã ngành 5022);
- Đào tạo sơ cấp (Mã ngành 8531);
- Đào tạo trung cấp (Mã ngành 8532);
- Đào tạo cao đẳng (Mã ngành 8533);
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 8559);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành 8560);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã ngành 5210).

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2024 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Hồ Minh Hoàng  
Võ Thụy Linh  
Phan Văn Thắng  
Nguyễn Tấn Đông  
Phùng Tiến Thành  
Nguyễn Quốc Ánh  
Nguyễn Hữu Hùng  
Lê Quỳnh Mai  
Nguyễn Minh Giang

Ngô Văn Quý

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
(từ ngày 26/06/2024)  
Thành viên độc lập

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ngô Trường Nam  
Nguyễn Quang Vĩnh  
Khương Văn Cương  
Cao Ngọc Nam  
Phạm Duy Hiếu  
Nguyễn Quang Huy  
Nguyễn Quang Dũng  
Phạm Lê Huy  
Dương Châu Sâm  
Lê Thanh Tuấn  
Phạm Văn Hùng  
Dương Hoài Thanh

Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
(từ ngày 02/05/2024)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Tôn Quang Hùng  
Phạm Văn Hùng  
  
Hồ Thị Hương  
Phạm Ngọc Quý

Trưởng ban  
Thành viên  
(đến ngày 26/06/2024)  
Thành viên  
Thành viên  
(từ ngày 26/06/2024)

Đại diện theo pháp luật:

Hồ Minh Hoàng  
Ngô Trường Nam  
Nguyễn Quang Vĩnh  
Khương Văn Cương

Chủ tịch HĐQT  
Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng:

An Văn Thiện



## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.
- Lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

## **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2024.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Khương Văn Cường**

Số: ~~709A~~/BCSX/TC/2024/AASCS

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả được lập ngày 27 tháng 08 năm 2024, từ trang 07 đến trang 96, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2024  
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)  
Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2023-142-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*tại ngày 30 tháng 06 năm 2024*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
100	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>6.726.923.299.562</b>	<b>6.391.259.597.896</b>
110	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>V.01</b>	<b>1.088.027.155.398</b>	<b>1.513.406.306.325</b>
111	Tiền		238.485.861.285	512.403.317.564
112	Các khoản tương đương tiền		849.541.294.113	1.001.002.988.761
120	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>187.745.498.478</b>	<b>488.655.245.726</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	187.745.498.478	488.655.245.726
130	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>4.738.632.414.321</b>	<b>3.763.356.647.750</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	1.702.412.219.557	1.547.548.881.468
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	1.701.117.176.653	1.003.372.199.468
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05	457.550.170.020	500.794.213.923
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.06	877.552.848.091	711.641.352.891
140	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>V.07</b>	<b>626.220.454.074</b>	<b>544.595.261.916</b>
141	Hàng tồn kho		626.220.454.074	544.595.261.916
150	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>86.297.777.291</b>	<b>81.246.136.179</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.08	14.267.423.396	10.063.167.357
152	Thuế GTGT được khấu trừ		7.185.348.530	32.310.408.541
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	64.845.005.365	38.872.560.281

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*tại ngày 30 tháng 06 năm 2024*  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.624.784.753.897</b>	<b>3.956.729.555.286</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>41.826.157.222</b>	<b>325.219.073.660</b>
215	Phải thu về cho vay dài hạn	V.05	20.698.409.845	305.885.485.018
216	Phải thu dài hạn khác	V.06	21.127.747.377	19.333.588.642
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>681.898.679.312</b>	<b>704.201.742.646</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	V.09	577.032.253.595	594.014.231.870
222	Nguyên giá		791.107.157.704	753.949.884.531
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(214.074.904.109)	(159.935.652.661)
<b>224</b>	<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>V.10</b>	<b>102.083.551.256</b>	<b>107.685.907.950</b>
225	Nguyên giá		131.757.049.538	127.339.268.629
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(29.673.498.282)	(19.653.360.679)
<b>227</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>V.11</b>	<b>2.782.874.461</b>	<b>2.501.602.826</b>
228	Nguyên giá		4.866.900.000	4.181.700.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.084.025.539)	(1.680.097.174)
<b>230</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>V.12</b>	<b>166.913.695.032</b>	<b>168.919.895.112</b>
231	Nguyên giá		196.763.594.014	196.763.594.014
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(29.849.898.982)	(27.843.698.902)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>28.684.293.874</b>	<b>25.764.299.297</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	28.684.293.874	25.764.299.297
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>2.643.605.582.291</b>	<b>2.699.116.032.291</b>
251	Đầu tư vào công ty con	V.02	1.875.380.122.291	1.948.832.572.291
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.02	578.500.000.000	578.500.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.02	177.725.460.000	159.783.460.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	12.000.000.000	12.000.000.000
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>61.856.346.166</b>	<b>33.508.512.280</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.08	61.856.346.166	33.508.512.280
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>10.351.708.053.459</b>	<b>10.347.989.153.182</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*tại ngày 30 tháng 06 năm 2024*  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.715.123.800.374</b>	<b>5.811.470.916.138</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.019.764.243.857</b>	<b>2.083.057.097.789</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	805.956.481.098	867.385.605.965
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	6.676.094.972	3.683.035.714
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	V.16	30.188.858.314	42.134.438.440
314	Phải trả người lao động		25.415.004.614	38.647.606.489
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	137.796.409.898	45.542.527.967
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19	1.379.172.849	2.224.080.258
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.18	301.555.006.270	257.018.759.970
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20	707.068.403.225	826.358.114.738
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.728.812.617	62.928.248
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>3.695.359.556.517</b>	<b>3.728.413.818.349</b>
331	Phải trả người bán dài hạn	V.14	315.643.966.430	-
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	V.15	3.070.086.720.255	3.441.051.728.159
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.19	689.586.423	1.379.172.849
337	Phải trả dài hạn khác	V.18	30.446.000.000	30.446.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20	278.493.283.409	255.536.917.341



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*tại ngày 30 tháng 06 năm 2024*  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.21	4.636.584.253.085	4.536.518.237.044
410	Vốn chủ sở hữu		4.636.584.253.085	4.536.518.237.044
411	Vốn góp của chủ sở hữu		4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
418	Quỹ đầu tư phát triển		14.349.316.091	12.706.265.055
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.210.358.842	4.210.358.842
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		411.507.428.152	313.084.463.147
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		309.798.361.075	148.779.359.517
421b	- LNST chưa phân phối của kỳ này		101.709.067.077	164.305.103.630
440	TỔNG NGUỒN VỐN		<u>10.351.708.053.459</u>	<u>10.347.989.153.182</u>

TP.HCM, ngày 27 tháng 08 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Công Nghĩa

An Văn Thiện



Khương Văn Cường

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*cho giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024*

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.535.779.529.629	958.149.455.711
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.535.779.529.629	958.149.455.711
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	2.350.054.346.575	857.277.010.634
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	185.725.183.054	100.872.445.077
21	Doanh thu hoạt động tài chính	61.347.948.198	95.580.545.868
22	Chi phí tài chính	27.279.299.123	67.634.736.201
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	26.195.169.023	35.722.319.351
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	94.055.603.167	81.620.962.113
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	125.738.228.962	47.197.292.631
31	Thu nhập khác	12.023.571	34.456.993.343
32	Chi phí khác	3.563.013	113.900.461
40	Lợi nhuận khác	8.460.558	34.343.092.882
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	125.746.689.520	81.540.385.513
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	24.037.622.443	16.968.637.083
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	101.709.067.077	64.571.748.430

011729-C  
CÔNG TY  
TNHH  
HỖ TỰ VẤN  
HÌNH KẾ TOÁN  
KIỂM TOÁN  
PHÍA NAM  
T.P HỒ CHÍ MINH

PHÂN  
ĐEO  
GR  
03

TP.HCM, ngày 27 tháng 08 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Công Nghĩa

An Văn Thiện



Khương Văn Cường

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024*  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>125.746.689.520</b>	<b>81.540.385.513</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	66.613.503.711	46.402.299.110
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(438.008)	
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(61.347.510.190)	(96.438.404.126)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	26.958.805.385	36.485.955.713
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>157.971.050.418</b>	<b>67.990.236.210</b>
09	Tăng các khoản phải thu	(1.228.320.419.838)	(306.111.841.387)
10	Tăng hàng tồn kho	(81.625.192.158)	(363.149.024.162)
11	Tăng các khoản phải trả [không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp]	7.059.575.642	999.682.406.873
12	Tăng chi phí trả trước	(32.552.089.925)	(1.985.504.211)
14	Tiền lãi vay đã trả	(32.550.965.861)	(26.290.878.161)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(29.758.983.520)	(25.590.381.047)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(1.239.777.025.242)</b>	<b>344.545.014.115</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(41.863.473.956)	(97.240.404.823)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	-	75.155.000.000
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(89.913.164.536)	(474.663.180.768)
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.033.349.526.768	458.996.395.603
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(31.500.000.000)	(311.858.360.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	77.400.000.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	41.421.529.838	36.542.923.230
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>911.494.418.114</b>	<b>(235.667.626.758)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024*  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	232.768.536.365	290.526.669.472
34	Chi trả nợ gốc vay	(314.614.492.078)	(180.148.959.051)
35	Chi trả nợ gốc thuê tài chính	(15.251.026.094)	(10.292.978.514)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	<b>(97.096.981.807)</b>	<b>100.084.731.907</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	<b>(425.379.588.935)</b>	<b>208.962.119.264</b>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	<b>V.01 1.513.406.306.325</b>	<b>828.968.437.046</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	438.008	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	<b>V.01 1.088.027.155.398</b>	<b>1.037.930.556.310</b>

TP.HCM, ngày 27 tháng 08 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Công Nghĩa

An Văn Thiện



Khương Văn Cường

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

### I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 30 ngày 01 tháng 06 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 4.206.517.150.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.

#### 2 Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây lắp, thương mại và dịch vụ.

#### 3 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường bộ (Mã ngành 4212);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành 4299);
- Xây dựng nhà để ở (Mã ngành 4101);
- Xây dựng nhà không để ở (Mã ngành 4102);
- Xây dựng công trình điện (Mã ngành 4221);
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước (Mã ngành 4222);
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc (Mã ngành 4223);
- Xây dựng công trình công ích khác (Mã ngành 4229);
- Xây dựng công trình đường sắt (Mã ngành 4211);
- Phá dỡ (Mã ngành 4311);
- Chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành 4312);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2599);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (Mã ngành 4659);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Mã ngành 4662);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành 4663);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Mã ngành 4932);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành 4933);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Mã ngành 5229);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành 7110);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4511);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 4669);
- Sản xuất than cốc (Mã ngành 1910);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành 5510);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành 5610);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành 6810);





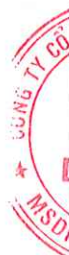
**I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**

**3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Mã ngành 6622);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (Mã ngành 3312);
- Lắp đặt hệ thống điện (Mã ngành 4321);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Mã ngành 4329);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Mã ngành 4330);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành 4390);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (Mã ngành 4322);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành 7120);
- Sửa chữa thiết bị điện (Mã ngành 3314);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Mã ngành 4651);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Mã ngành 3320);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 3290);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (Mã ngành 3313);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã ngành 0810);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 0899);
- Xây dựng công trình thủy (Mã ngành 4291);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (Mã ngành 5011);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Mã ngành 5021);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Mã ngành 5022);
- Đào tạo sơ cấp (Mã ngành 8531);
- Đào tạo trung cấp (Mã ngành 8532);
- Đào tạo cao đẳng (Mã ngành 8533);
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 8559);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành 8560);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã ngành 5210).

**4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**

**5 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có 1.431 nhân viên (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 1.940 nhân viên)**



**I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**

**6 Cấu trúc Công ty**

**Công ty con:**

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		30.06.2024	01.01.2024	30.06.2024	01.01.2024
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	17,39%	21,29%	17,44%	21,34%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	1,35%	1,23%	1,35%	1,23%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	16,04%	20,06%	16,09%	20,11%
2	Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu Tư Hải Thạch B.O.T	99,73%	99,73%	99,73%	99,73%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	99,73%	99,73%	99,73%	99,73%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	79,71%	94,51%	96,17%	96,17%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	76,25%	94,06%	76,25%	94,06%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	3,46%	0,45%	19,92%	2,11%
5	Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
6	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	17,28%	21,15%	99,37%	99,32%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	17,28%	21,15%	99,37%	99,32%
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	12,77%	15,35%	73,41%	72,09%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	12,77%	15,35%	73,41%	72,09%
8	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	11,31%	14,98%	65,03%	70,36%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	11,31%	14,98%	65,03%	70,36%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	78,92%	93,57%	99,00%	99,00%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	78,92%	93,57%	99,00%	99,00%
10	Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	79,27%	93,99%	99,45%	99,45%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	79,27%	93,99%	99,45%	99,45%
11	Công ty TNHH Xây Dựng Kinh Bắc Thăng Long	79,32%	94,12%	100,00%	100,00%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	79,32%	94,12%	100,00%	100,00%
12	Công ty cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	69,57%	72,37%	85,00%	85,00%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	14,57%	17,37%	30,00%	30,00%

**I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**

**6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)**

**Công ty liên doanh, liên kết:**

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		30.06.2024	01.01.2024	30.06.2024	01.01.2024
1	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa <i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	8,23%	10,05%	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị <i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	5,50%	6,73%	31,60%	31,60%
3	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo <i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	38,00%	38,00%	38,00%	38,00%
4	Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả <i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	49,97%	49,97%	49,97%	49,97%

**Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**

STT	Tên công ty	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Quản lý Khai thác Hạ tầng Giao thông Số 1 – Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Phú Yên	Số 44 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Tuy Hoà, Phú Yên, Việt Nam
2	Xí nghiệp Quản lý Khai thác Hạ tầng Giao thông Số 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Lạng Sơn	Thôn Đồn Vàng, Xã Minh Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
3	Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Cao Bằng	Số 62, Tổ 7, Phường Sông Hiến, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam
4	Văn phòng đại diện – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Hà Nội	Tầng 16, Số 265 Đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
5	Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Ninh Thuận	Thôn Trà Nô, Xã Phước Hà, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
6	Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Bình Thuận	Phía Đông, Xã Phan Dũng, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
7	Xí nghiệp Cơ giới - Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**II KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND hoặc đồng).

### III CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1 Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

#### 2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

##### a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

##### b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.



#### **IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)**

##### **b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

##### **2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

##### **a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

##### **b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

##### **3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là dài hạn.

#### **IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

###### **a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi trên 3 tháng), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

###### **b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- + Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- + Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư: nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

###### **- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.



#### **IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **4 Nguyên tắc các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

##### **5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

##### **6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

#### **IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	02 – 20 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

##### **7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình thực hiện dự án được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm: Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định Chuẩn mực 16.

##### **8 Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

##### **9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.



#### **IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **10 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán còn lại không quá 12 tháng được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

##### **11 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ việc phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi với những điều khoản yêu cầu nhà phát hành mua lại trong tương lai các ngân hàng và các đối tượng khác.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

##### **12 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

##### **13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

##### **14 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.



#### **IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **14 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện (tiếp theo)**

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắc chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

##### **15 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu* được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối* phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

##### **16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

- *Quỹ đầu tư phát triển* được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.
- *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu* được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

##### **17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

###### **a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

###### **b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### **IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

###### **c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

###### **d) Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

###### **e) Thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

##### **18 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### **IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **19 Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

##### **20 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

##### **21 Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

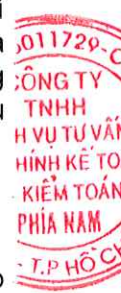
##### **22 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

##### **23 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30.06.2024</b>	<b>01.01.2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.471.912.083	1.711.665.912
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	237.013.949.202	510.691.651.652
Các khoản tương đương tiền	849.541.294.113	1.001.002.988.761
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>849.541.294.113</i>	<i>1.001.002.988.761</i>
<b>Cộng</b>	<b>1.088.027.155.398</b>	<b>1.513.406.306.325</b>

**2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>Tại ngày 30.06.2024</b>		<b>Tại ngày 01.01.2024</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>187.745.498.478</b>	-	<b>488.655.245.726</b>	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	187.745.498.478	-	488.655.245.726	-
<b>Dài hạn</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
Trái phiếu (**)	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>199.745.498.478</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>500.655.245.726</b>	<b>12.000.000.000</b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 2,3%/năm đến 4,5%/năm.

(\*\*) Thông tin trái phiếu:

<b>Tên tổ chức phát hành</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Mệnh giá</b>	<b>Tổng trị giá</b>	<b>Lãi suất trả sau</b>	<b>Ngày phát hành</b>	<b>Ngày đáo hạn</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.000	10.000.000	10.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1,2%/năm	27/09/2019	27/09/2029
	20.000	100.000	2.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1%/năm	18/11/2021	18/11/2031
			<b>12.000.000.000</b>			

Trong đó 1.000 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VND được sử dụng để đảm bảo cho các hợp đồng cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty con

	Tại ngày 30.06.2024		Tại ngày 01.01.2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T (1)	1.189.480.000.000	-	1.189.480.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam (1) (4)	488.000.000.000	-	602.000.000.000	-
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát (1)	98.451.219.512	-	98.451.219.512	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (2)	65.298.902.779	67.705.449.400	50.251.352.779	61.628.430.400
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (1) (3)	27.500.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả (1)	6.650.000.000	-	6.650.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.875.380.122.291</b>	<b>67.705.449.400</b>	<b>1.948.832.572.291</b>	<b>61.628.430.400</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

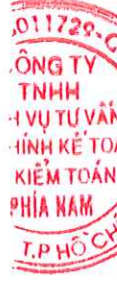
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Tại ngày 30.06.2024		Tại ngày 01.01.2024	
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (1)	391.400.000.000	-	391.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả (1)	187.100.000.000	-	187.100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>578.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>578.500.000.000</b>	<b>-</b>

**d) Đầu tư vào công ty khác**

	Tại ngày 30.06.2024		Tại ngày 01.01.2024	
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND
Công Ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (1) (5)	166.225.460.000	-	154.283.460.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Công nghiệp TLH (1)	5.500.000.000	-	5.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng (1) (6)	6.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>177.725.460.000</b>	<b>-</b>	<b>159.783.460.000</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- (1) Các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên BCTC theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.
- (2) Theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 12 năm 2023 HĐQT đã thông qua chủ trương tăng khoản vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (HHV) và nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của người nội bộ. Ngày 02 tháng 02 năm 2024 Công ty đã hoàn tất việc thực hiện quyền mua 1.495.125 cổ phiếu HHV, qua đó Công ty nắm giữ 17,44% tỷ lệ sở hữu HHV (thông qua nắm giữ trực tiếp và gián tiếp).
- (3) Theo Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 12 năm 2023 HĐQT đã thông qua việc đầu tư góp vốn thành lập Doanh nghiệp dự án, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh theo hình thức đối tác công tư (giai đoạn 1). Ngày 12 tháng 03 năm 2024 Công ty đã hoàn tất việc góp vốn với tỷ lệ 55% vào Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, qua đó Công ty nắm giữ 85% tỷ lệ sở hữu (55% tỷ lệ trực tiếp, 30% tỷ lệ gián tiếp) Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh.
- (4) Theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 06 năm 2024 HĐQT thông qua chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả. Ngày 28 tháng 06 năm 2024, Công ty hoàn tất việc chuyển nhượng 11.400.000 cổ phần tương ứng 17,81% tỷ lệ sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam theo hợp đồng số 2806/2024/CNCP-ICV.
- (5) Theo Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2023 HĐQT thông qua chủ trương tăng khoản vốn góp tại Công ty cổ phần BOT Trung Lương – Mỹ Thuận thêm 1.194.200 cổ phần, thời gian thực hiện đến hết ngày 29/01/2024. Số cổ phần Công ty nắm giữ sau khi kết thúc giao dịch là 16.622.546 cổ phần.
- (6) Theo Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 04 năm 2024 HĐQT đã thông qua việc đầu tư góp vốn thành lập Doanh nghiệp dự án, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Hữu Nghi- Chi Lăng theo hình thức BOT. Ngày 19 tháng 04 năm 2024 Công ty đã thực hiện góp vốn với tỷ lệ 12% vào Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Hữu Nghi - Chi Lăng.





**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**3 PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<b>30.06.2024</b>	<b>01.01.2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên khác</b>	<b>716.808.960.084</b>	<b>557.030.032.651</b>
Ban Quản lý Dự án 2 - Bộ Giao thông Vận tải	331.220.327.374	239.446.690.538
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng Indec	68.616.486.948	68.616.486.948
Ban QLDA Giao thông tỉnh Bình Định	24.235.111.000	75.735.096.000
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Dân dụng Và Công nghiệp Tỉnh Quảng Ninh	15.566.627.700	25.826.698.440
BQL Dự án Thăng Long - Bộ Giao thông Vận Tải	13.522.245.703	13.522.245.703
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông Tỉnh Quảng Ninh	10.049.246.000	10.049.246.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Tân Hoàng Long	7.405.355.700	7.445.562.257
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Thành phố Tuy Hòa	4.554.694.347	4.554.694.347
Đối tượng khác	241.638.865.312	111.833.312.418
<b>Bên liên quan</b>	<b>985.603.259.473</b>	<b>990.518.848.817</b>
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	340.456.315.504	363.047.500.883
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	271.698.767.218	276.858.330.537
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	114.075.318.721	124.197.033.248
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	99.054.501.920	95.553.352.356
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	72.741.374.972	65.733.167.459
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	45.684.224.802	33.366.221.159
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	23.860.105.836	12.533.392.864
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	7.928.163.584	9.501.711.868
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	2.334.313.400	2.316.052.275
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	1.491.552.907	1.491.552.907
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	544.068.163	478.864.212
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	314.077.664	61.738.665
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	106.900.000	106.900.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	95.349.930	95.349.930
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	81.639.336	89.103.787
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	74.486.458	23.852.909
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	62.099.058	62.099.058
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	-	2.624.700
<b>Cộng</b>	<b>1.702.412.219.557</b>	<b>1.547.548.881.468</b>



**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>30.06.2024</b>	<b>01.01.2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên khác</b>	<b>1.301.046.139.201</b>	<b>892.690.887.399</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Và Đầu tư Trung Hải	200.855.444.377	78.891.453.709
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	95.994.032.057	93.145.385.451
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ Bất động sản Thành Phát	66.561.232.371	36.333.221.419
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đông Phương	55.814.214.544	28.760.607.722
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại An Bảo	54.059.465.543	58.540.760.468
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Ban Mai	43.056.970.327	41.975.293.894
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	35.499.263.068	41.080.628.370
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Công trình Tây An	30.055.803.009	32.129.218.689
Công ty TNHH Xây Dựng Trường Phát Lợi (Tên cũ là Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nguyên)	28.428.283.428	32.085.028.360
Công ty Cổ phần Đầu tư Thịnh Phát	-	8.273.562.144
Đối tượng khác	690.721.430.477	441.475.727.173
<b>Bên liên quan</b>	<b>400.071.037.452</b>	<b>110.681.312.069</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	223.607.073.857	34.605.068.101
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	133.302.936.229	40.853.743.708
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu Đường Sài Gòn - Phú Yên	33.487.391.488	33.487.391.488
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	7.051.306.875	1.332.946.437
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	1.702.225.553	191.378.167
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	920.103.450	210.784.168
<b>Cộng</b>	<b>1.701.117.176.653</b>	<b>1.003.372.199.468</b>



**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5 PHẢI THU VỀ CHO VAY**

**a) Ngắn hạn**

	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
<b>Bên khác</b>	<b>47.896.157.985</b>	<b>55.668.548.000</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	22.570.136.985	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả - Huy Hoàng	288.000.000	9.526.000.000
Đối tượng khác	3.038.021.000	4.142.548.000
<b>Bên liên quan</b>	<b>409.654.012.035</b>	<b>445.125.665.923</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	325.082.155.384	401.332.155.384
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	27.100.000.000	27.100.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	17.151.856.651	16.373.510.539
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	320.000.000	320.000.000
<b>Cộng</b>	<b>457.550.170.020</b>	<b>500.794.213.923</b>

Đây là các khoản cho vay ngắn hạn có lãi suất từ 5% đến 12%/năm, thời gian thu hồi từ 6 tháng đến 12 tháng

**b) Dài hạn**

	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
<b>Bên khác</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
CN Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z tại Tp.HCM (1)	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Bên liên quan</b>	<b>18.198.409.845</b>	<b>303.385.485.018</b>
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (2)	18.198.409.845	303.385.485.018
<b>Cộng</b>	<b>20.698.409.845</b>	<b>305.885.485.018</b>

(1) Đây là khoản phải thu về cho vay trong vòng 24 tháng hưởng lãi suất 10,1%/năm.

(2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1210/2021/HĐHT/BOT CLVH - DCG ngày 12/10/2021 hưởng lãi suất 10,33%/năm.

**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**6 PHẢI THU KHÁC**

**a) Ngắn hạn**

	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
Tạm ứng	233.928.177.655	190.075.000.602
Ký cược, ký quỹ	4.160.328.000	6.921.014.435
<i>Bên khác</i>	<i>4.160.328.000</i>	<i>6.921.014.435</i>
<b>Phải thu khác</b>	<b>639.464.342.436</b>	<b>514.645.337.854</b>
<i>Bên khác</i>	<i>414.862.290.689</i>	<i>412.562.442.908</i>
Ban Chuẩn bị Đầu tư Dự án Hữu Nghị - Chi Lăng (1)	100.297.480.000	84.800.000.000
Ban Chuẩn bị Đầu tư Dự án Tp. Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận (2)	84.545.000.000	80.200.000.000
Ban Chuẩn bị Đầu tư các dự án (3)	50.026.143.559	50.026.143.559
Ban Chuẩn bị Đầu tư Dự án Đồng Đăng - Trà Lĩnh (4)	44.908.849.303	27.180.881.338
Nguyễn Văn Tùng	18.510.806.000	18.610.000.000
Đối tượng khác	116.574.011.827	151.745.418.011
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b><i>224.602.051.747</i></b>	<b><i>102.082.894.946</i></b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	114.401.174.839	78.945.263
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	97.772.541.252	80.888.026.667
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	8.718.511.229	7.353.710.683
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	1.737.666.006	541.759.963
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	1.361.257.535	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	297.633.166	981.300.374
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	247.912.329	247.912.329
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	65.355.391	49.239.667
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	11.942.000.000
<b>Cộng</b>	<b>877.552.848.091</b>	<b>711.641.352.891</b>

**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**6 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

**a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

- (1) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư Dự án Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT ký ngày 15/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả và Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả.

Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư Dự án Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT ký tháng 04/2024 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả và Công ty Cổ phần Xây dựng Thương Mại 559.

Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư Dự án Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT ký tháng 01/2024 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả và Công ty Cổ phần Xây dựng Công Trình 568.

Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư Dự án Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT ký năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả và Công ty Cổ phần Lizen.

- (2) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư Dự án Đầu tư mở rộng đường cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận theo hình thức PPP ký ngày 20/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả và Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả.

- (3) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường bộ cao tốc Tân Phú (Tỉnh Đồng Nai) – Bảo Lộc (Tỉnh Lâm Đồng) theo hình thức đối tác công tư ngày 19/01/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hưng Thịnh và Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nam Miền Trung Group.

Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư các Dự án tại Bến Tre ký ngày 10/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hưng Thịnh và Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nam Miền Trung Group.

- (4) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (Tỉnh Lạng Sơn)- Trà Lĩnh (Tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1) ký ngày 05/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả và Công ty Cổ phần Xây dựng Công Trình 568.



**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**6 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

**b) Dài hạn**

	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
<b>Ký cược, ký quỹ</b>	<b>21.127.747.377</b>	<b>19.333.588.642</b>
<b>Bên khác</b>	<b>20.824.177.467</b>	<b>19.030.018.732</b>
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - CN Hồ Chí Minh	3.864.974.500	3.624.240.000
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	3.049.495.000	3.049.495.000
Công ty Cổ phần Gateway Hà Nội	2.866.435.409	2.866.435.409
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	2.073.519.153	2.073.519.153
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	1.714.756.698	3.038.140.836
Đối tượng khác	7.254.996.707	4.378.188.334
<b>Bên liên quan</b>	<b>303.569.910</b>	<b>303.569.910</b>
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	303.569.910	303.569.910
<b>Cộng</b>	<b>21.127.747.377</b>	<b>19.333.588.642</b>

**7 HÀNG TỒN KHO**

	30.06.2024		01.01.2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	70.140.386.117	-	80.696.421.106	-
Công cụ, dụng cụ	693.457.882	-	622.522.940	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	544.144.691.774	-	463.276.317.870	-
Hàng hóa	5.158.298.427	-	-	-
Thành phẩm	6.083.619.874	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>626.220.454.074</b>	<b>-</b>	<b>544.595.261.916</b>	<b>-</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**a) Ngắn hạn**

	<b>30.06.2024</b> <b>VND</b>	<b>01.01.2024</b> <b>VND</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.178.646.475	4.711.401.452
Các khoản khác	11.088.776.922	5.351.765.905
<b>Cộng</b>	<b>14.267.423.396</b>	<b>10.063.167.357</b>

**b) Dài hạn**

	<b>30.06.2024</b> <b>VND</b>	<b>01.01.2024</b> <b>VND</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.531.960.676	9.797.812.483
Các khoản khác	54.324.385.491	23.710.699.797
<b>Cộng</b>	<b>61.856.346.166</b>	<b>33.508.512.280</b>

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	610.702.692.039	126.198.208.200	4.699.151.704	12.349.832.588	753.949.884.531
2. Số tăng trong kỳ	30.247.716.354	2.818.816.364	2.158.460.455	2.075.800.000	37.300.793.173
Mua trong kỳ	30.247.716.354	2.818.816.364	2.158.460.455	2.075.800.000	37.300.793.173
3. Số giảm trong kỳ	143.520.000	-	-	-	143.520.000
Điều chỉnh giảm khác	143.520.000	-	-	-	143.520.000
4. Số dư cuối kỳ	640.806.888.393	129.017.024.564	6.857.612.159	14.425.632.588	791.107.157.704
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	95.857.193.238	52.775.045.674	2.162.279.390	9.141.134.359	159.935.652.661
2. Khấu hao trong kỳ	43.139.313.058	9.542.210.448	546.385.665	955.328.492	54.183.237.663
Khấu hao trong kỳ	43.139.313.058	9.542.210.448	546.385.665	955.328.492	54.183.237.663
3. Số giảm trong kỳ	43.986.215	-	-	-	43.986.215
Điều chỉnh giảm khác	43.986.215	-	-	-	43.986.215
4. Số dư cuối kỳ	138.952.520.081	62.317.256.122	2.708.665.055	10.096.462.851	214.074.904.109
III. Giá trị còn lại					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	514.845.498.801	73.423.162.526	2.536.872.314	3.208.698.229	594.014.231.870
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	501.854.368.312	66.699.768.442	4.148.947.104	4.329.169.737	577.032.253.595



**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)**

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là: 349.838.104.109 VND.

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 26.488.663.410 VND.

**10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu năm	127.339.268.629	-	127.339.268.629
2. Số tăng trong kỳ	-	4.417.780.909	4.417.780.909
Thuê trong kỳ		4.417.780.909	4.417.780.909
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	127.339.268.629	4.417.780.909	131.757.049.538
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu năm	19.653.360.679		19.653.360.679
2. Khấu hao trong kỳ	9.954.820.950	65.316.653	10.020.137.603
Tăng trong kỳ	9.954.820.950	65.316.653	10.020.137.603
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	29.608.181.629	65.316.653	29.673.498.282
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	107.685.907.950	-	107.685.907.950
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	97.731.087.000	4.352.464.256	102.083.551.256

Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ: 3.238.000.430 VND

Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: sau khi kết thúc hợp đồng thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng.

**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Bản quyền VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu năm	210.000.000	3.971.700.000	4.181.700.000
2. Số tăng trong kỳ	50.000.000	635.200.000	685.200.000
Mua trong kỳ	50.000.000	635.200.000	685.200.000
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	260.000.000	4.606.900.000	4.866.900.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu năm	25.524.190	1.654.572.984	1.680.097.174
2. Khấu hao trong kỳ	59.892.466	344.035.899	403.928.365
Khấu hao trong kỳ	59.892.466	344.035.899	403.928.365
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	85.416.656	1.998.608.883	2.084.025.539
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	184.475.810	2.317.127.016	2.501.602.826
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	174.583.344	2.608.291.117	2.782.874.461

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là: 0 VND.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 1.626.200.000 VND.

**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu năm	97.272.727.273	99.490.866.741	196.763.594.014
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	97.272.727.273	99.490.866.741	196.763.594.014
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu năm	-	27.843.698.902	27.843.698.902
2. Khấu hao trong kỳ	-	2.006.200.080	2.006.200.080
Tăng trong kỳ	-	2.006.200.080	2.006.200.080
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	29.849.898.982	29.849.898.982
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	97.272.727.273	71.647.167.839	168.919.895.112
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	97.272.727.273	69.640.967.759	166.913.695.032

Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là: 166.913.695.032 VND.

Nguyên giá BĐSĐT cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND.

**13 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
Chi phí chuẩn bị dự án đầu tư	28.611.840.170	25.737.949.297
Mua sắm TSCĐ	72.453.704	26.350.000
<b>Cộng</b>	<b>28.684.293.874</b>	<b>25.764.299.297</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN****a) Ngắn hạn**

	Tại ngày 30.06.2024		Tại ngày 01.01.2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Bên khác</b>	<b>462.875.534.033</b>	<b>462.875.534.033</b>	<b>503.358.219.717</b>	<b>503.358.219.717</b>
Công ty TNHH SP4AN	33.870.628.071	33.870.628.071	31.926.486.655	31.926.486.655
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Tân Hoàng Long	29.496.432.884	29.496.432.884	27.611.308.037	27.611.308.037
Wonder Synergy	17.242.097.382	17.242.097.382	17.242.097.382	17.242.097.382
Công ty Cổ phần Xây lắp 368	15.408.169.450	15.408.169.450	43.067.445.079	43.067.445.079
Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Huy Thiên Phú	5.375.710.517	5.375.710.517	4.945.438.317	4.945.438.317
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long	5.235.528.342	5.235.528.342	15.023.520.887	15.023.520.887
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Và Thương mại Quốc Tế	1.767.139.100	1.767.139.100	28.412.312.100	28.412.312.100
Công Ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	1.327.967.838	1.327.967.838	63.517.062.964	63.517.062.964
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Công nghệ Nam Anh	725.185.247	725.185.247	15.147.198.200	15.147.198.200
Công Ty Cổ phần Thiết bị Và Dịch vụ TCE	310.917.658	310.917.658	23.807.979.000	23.807.979.000
Đối tượng khác	352.115.757.544	352.115.757.544	232.657.371.096	232.657.371.096
<b>Bên liên quan</b>	<b>343.080.947.065</b>	<b>343.080.947.065</b>	<b>364.027.386.248</b>	<b>364.027.386.248</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	120.647.787.171	120.647.787.171	171.828.670.336	171.828.670.336
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	100.318.325.467	100.318.325.467	80.049.779.945	80.049.779.945
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	92.442.968.547	92.442.968.547	37.342.824.187	37.342.824.187
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	20.039.255.683	20.039.255.683	59.938.212.941	59.938.212.941
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	3.955.336.000	3.955.336.000	5.948.256.000	5.948.256.000
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	2.579.080.000	2.579.080.000	2.399.080.000	2.399.080.000
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	1.578.720.000	1.578.720.000	263.120.000	263.120.000
Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	886.400.000	886.400.000	255.200.000	255.200.000
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	633.074.197	633.074.197	6.002.242.839	6.002.242.839
<b>Cộng</b>	<b>805.956.481.098</b>	<b>805.956.481.098</b>	<b>867.385.605.965</b>	<b>867.385.605.965</b>



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Tại ngày 30.06.2024		Tại ngày 01.01.2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Bên khác</b>	<b>197.548.561.126</b>	<b>197.548.561.126</b>	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	26.811.478.735	26.811.478.735	-	-
Đối tượng khác	170.737.082.391	170.737.082.391	-	-
<b>Bên liên quan</b>	<b>118.095.405.304</b>	<b>118.095.405.304</b>	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	53.064.710.334	53.064.710.334	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	50.655.042.702	50.655.042.702	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	14.052.732.268	14.052.732.268	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	322.920.000	322.920.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>315.643.966.430</b>	<b>315.643.966.430</b>	-	-

**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**a) Ngắn hạn**

	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
<b>Bên khác</b>	<b>369.991.222</b>	<b>369.991.222</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>6.306.103.750</b>	<b>3.313.044.492</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	5.081.892.200	2.788.989.592
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	543.049.416	
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang – Lạng Sơn – Hữu Nghị	524.054.900	524.054.900
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	157.107.234	
<b>Cộng</b>	<b>6.676.094.972</b>	<b>3.683.035.714</b>

**b) Dài hạn**

	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
<b>Bên khác</b>	<b>3.069.003.690.827</b>	<b>3.329.450.720.069</b>
Ban Quản lý Dự án 2 - Bộ Giao thông Vận tải	1.872.677.795.924	2.187.454.176.776
Ban Quản lý Dự án Đường Hồ Chí Minh - Bộ Giao Thông Vận Tải	184.449.026.870	204.553.026.870
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh Tuyên Quang	178.875.990.400	-
Ban Quản lý Dự án 7 - Bộ Giao thông Vận tải	167.491.514.956	293.308.027.022
Ban Quản lý Dự án 6 - Bộ Giao thông Vận tải	163.827.000.000	163.827.000.000
Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP	143.554.934.831	197.337.948.317
Ban Quản lý Dự án Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Giao Thông	104.054.881.314	114.608.168.756
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Indec	70.049.355.328	70.049.355.328
Ban Quản lý Dự án Giao thông Tỉnh Bình Định	45.894.923.000	56.288.923.000
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư Xây dựng Tỉnh Phú Yên	42.024.094.000	42.024.094.000
Ban Quản lý Dự án Đường sắt	12.056.045.789	-
Đối tượng khác	84.048.128.415	-
<b>Bên liên quan</b>	<b>1.083.029.428</b>	<b>111.601.008.090</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	1.083.029.428	1.083.029.428
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	-	84.005.735.488
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	23.676.291.150
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	-	2.292.902.608
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	-	543.049.416
<b>Cộng</b>	<b>3.070.086.720.255</b>	<b>3.441.051.728.159</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC****a) Thuế và các khoản phải nộp**

	Tại ngày 01.01.2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 30.06.2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.758.983.520	24.037.622.443	29.758.983.520	24.037.622.443
Thuế thu nhập cá nhân	9.621.546.527	3.365.746.943	11.720.928.103	1.266.365.367
Thuế tài nguyên	1.797.675.939	10.360.330.614	8.759.489.067	3.398.517.486
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	956.232.454	15.546.278.861	15.016.158.297	1.486.353.018
<b>Cộng</b>	<b>42.134.438.440</b>	<b>53.309.978.861</b>	<b>65.255.558.987</b>	<b>30.188.858.314</b>

**b) Thuế và các khoản phải thu**

	Tại ngày 01.01.2024	Số phải thu trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 30.06.2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	38.872.560.281	53.867.525.398	27.895.080.314	64.845.005.365
<b>Cộng</b>	<b>38.872.560.281</b>	<b>53.867.525.398</b>	<b>27.895.080.314</b>	<b>64.845.005.365</b>

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về nộp thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>30.06.2024</b>	<b>01.01.2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí phải trả cho các dự án	132.742.905.795	37.129.864.840
Chi phí lãi vay	4.701.997.688	8.411.434.491
Chi phí khác	351.506.415	1.228.636
<b>Cộng</b>	<b>137.796.409.898</b>	<b>45.542.527.967</b>

**18 PHẢI TRẢ KHÁC**

**a) Ngắn hạn**

	<b>30.06.2024</b>	<b>01.01.2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội	2.067.811.890	-
Kinh phí công đoàn	1.345.492.432	2.337.371.362
Bảo hiểm y tế	382.058.685	-
Bảo hiểm thất nghiệp	162.133.160	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	578.000.000	578.000.000
<i>Bên khác</i>	428.000.000	428.000.000
<i>Bên liên quan</i>	150.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	297.019.510.103	254.103.388.608
<i>Bên khác</i>	158.998.386.680	128.339.875.107
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Miền Trung Group (1)(2)	49.967.800.000	49.967.800.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Thịnh (1)(2)	40.941.000.000	40.941.000.000
Đối tượng khác	68.089.586.680	37.431.075.107
<i>Bên liên quan</i>	138.021.123.423	125.763.513.501
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả (3)(4)	105.000.000.000	105.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	28.485.639.777	17.484.458.897
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	3.094.592.329	1.838.163.287
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	719.987.208	719.987.208
Công ty CP Đầu Tư Hải Thạch B.O.T	501.156.164	501.156.164
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	219.747.945	219.747.945
<b>Cộng</b>	<b>301.555.006.270</b>	<b>257.018.759.970</b>



**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**18 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)**

**a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

(1) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường bộ cao tốc Tân Phú (Tỉnh Đồng Nai) – Bảo Lộc (Tỉnh Lâm Đồng) theo hình thức đối tác công tư ngày 19/01/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG), Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hưng Thịnh và Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nam Miền Trung Group.

(2) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư các Dự án tại Bến Tre ký ngày 10/10/2020 giữa DCG, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hưng Thịnh và Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nam Miền Trung Group.

(3) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư Dự án Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT ký ngày 15/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG) và Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả.

(4) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư Dự án Đầu tư mở rộng đường cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận theo hình thức PPP ký ngày 20/12/2023 giữa DCG và Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả.

**b) Dài hạn**

	<b>30.06.2024</b>	<b>01.01.2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	30.446.000.000	30.446.000.000
Bên khác	30.446.000.000	30.446.000.000
<i>Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng H.P.T</i>	30.446.000.000	30.446.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.446.000.000</b>	<b>30.446.000.000</b>

**c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có**

**19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

**a) Ngắn hạn**

	<b>30.06.2024</b>	<b>01.01.2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu nhận trước	1.379.172.849	2.224.080.258
<b>Cộng</b>	<b>1.379.172.849</b>	<b>2.224.080.258</b>

**b) Dài hạn**

	<b>30.06.2024</b>	<b>01.01.2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu nhận trước	689.586.423	1.379.172.849
<b>Cộng</b>	<b>689.586.423</b>	<b>1.379.172.849</b>



**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

**a) Ngắn hạn**

	Tại ngày 30.06.2024		Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 01.01.2024	
	Giá trị	Vay dài hạn đến hạn trả	Tăng	Giảm	Giá trị	VND
<b>Bên khác</b>	<b>681.168.403.225</b>	<b>4.417.009.598</b>	<b>205.603.882.727</b>	<b>328.810.603.838</b>	<b>799.958.114.738</b>	<b>VND</b>
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	235.496.317.825	1.398.608	138.845.525.672	219.080.647.888	315.730.041.433	
Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	221.544.398.013	3.974.944.446	62.194.720.693	91.233.844.190	246.608.577.064	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - CN Thành phố HCM	7.159.463.886	440.666.544	-	6.718.797.342	13.437.594.684	
Ngân Hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TPHCM	9.500.000.000	-	3.800.000.000	3.800.000.000	9.500.000.000	
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	3.950.266.008	-	-	3.950.266.008	7.900.532.016	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease	3.887.848.410	-	-	3.887.848.410	7.775.696.820	
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Chính Toyota Việt Nam	139.200.000	-	-	139.200.000	278.400.000	
Trái phiếu (1)	199.490.909.083	-	763.636.362	-	198.727.272.721	
Trái phiếu phát hành	200.000.000.000	-	-	-	200.000.000.000	
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	(509.090.917)	-	763.636.362	-	(1.272.727.279)	
<b>Bên liên quan</b>	<b>25.900.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>	<b>26.400.000.000</b>	
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	25.900.000.000	-	-	500.000.000	26.400.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>707.068.403.225</b>	<b>4.417.009.598</b>	<b>205.603.882.727</b>	<b>329.310.603.838</b>	<b>826.358.114.738</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

**Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:**

Bên cho vay	Hạn mức vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
NH Tiên Phong - CN Thăng Long	4.600.000.000.000	12 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Ký quỹ và các biện pháp đảm bảo khác
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	2.500.000.000.000	11 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Thế chấp quyền tài sản, quyền đòi thành trong tương lai do ngân hàng tài trợ Vốn và bằng các tài sản khác
NH Công thương VN - CN4 TPHCM	10.000.000.000	11 tháng	8% - 8,5%/năm	Trái phiếu doanh nghiệp
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	26.400.000.000	11 tháng	9,7%/năm	Tín chấp

(1) Chi tiết trái phiếu được trình bày sau đây:

Tại ngày 01.01.2024		Tại ngày 30.06.2024	
Giá trị	Lãi suất	Giá trị	Lãi suất
200.000.000.000	11,5%/năm	200.000.000.000	11,5%/năm

Trái phiếu thường

Thời hạn

3 năm

3 năm

3 năm

Đây là khoản huy động bằng việc phát hành trái phiếu theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam để tài trợ xây dựng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm – Vĩnh Hảo thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT. Gói trái phiếu có tổng mệnh giá 200 tỷ Đồng, ngày đáo hạn cuối cùng vào tháng 10 năm 2024. Lãi suất cố định áp dụng cho toàn bộ thời hạn 3 năm của trái phiếu được xác định là 11,5%/năm. Trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả do Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T sở hữu tương ứng 150% giá trị phát hành trái phiếu.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Tại ngày 30.06.2024		Phát sinh trong kỳ			Tại ngày 01.01.2024	
	Giá trị	VND	Tăng	Giảm	Vay dài hạn đến hạn trả	Giá trị	
Bên khác	278.493.283.409	VND	27.928.290.000	554.914.334	4.417.009.598	255.536.917.341	
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	118.815.936.182		3.876.600.000	-	1.398.608	114.940.734.790	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - CN Thành phố HCM	41.261.786.911		4.814.690.000	554.913.424	440.666.544	37.442.676.879	
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long (1)	33.035.000.000		-	-	-	33.035.000.000	
Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	47.595.555.554		19.237.000.000	-	3.974.944.446	32.333.500.000	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	14.903.418.916		-	-	-	14.903.418.916	
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà (2)	12.988.141.103		-	-	-	12.988.141.103	
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	9.754.244.743		-	910	-	9.754.245.653	
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Chính Toyota Việt Nam	139.200.000		-	-	-	139.200.000	
<b>Cộng</b>	<b>278.493.283.409</b>		<b>27.928.290.000</b>	<b>554.914.334</b>	<b>4.417.009.598</b>	<b>255.536.917.341</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Dài hạn (tiếp theo)****Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:**

Bên cho vay	Hạn mức vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
NH TMCP Tiên Phong	266.777.271.430	30 - 60 tháng	9,15% - 11,45%/năm	Tài sản hình thành từ khoản vay
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN TPHCM	69.569.541.000	60 tháng	6,9% - 7,2%/năm	Ký cược
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease	31.102.787.291	48 tháng	8,79%/năm	Ký cược
Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	20.329.960.000	24 - 36 tháng	6,7% - 7,2%/năm	Ký cược
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	1.392.000.000	60 tháng	11,25% năm	Tài sản hình thành từ khoản vay
NH TMCP BIDV – Chi nhánh Nam Hà Nội	61.142.000.000	60 tháng	7,4% - 8,4%/năm	Tài sản hình thành từ khoản vay

(1) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10-XL/2021/HĐXL/DCG - HL ngày 11/10/2021 giữa Công ty với Công ty CP TM và XD Hoàng Long

(2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06 - 10/2021/HĐHT/DCG - DTH ngày 06/10/2021 giữa Công ty với Công ty TNHH Đồng Thuận Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÉO CÀ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán**

Thời hạn	Tại ngày 30.06.2024		Tại ngày 30.06.2023	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Trả tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Trả tiền lãi thuế VND
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	18.573.672.809	3.322.646.715	14.709.798.380	4.206.819.866
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - CN Thành phố HCM	9.087.339.420	1.813.628.654	8.690.527.480	2.424.597.376
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	4.814.851.864	927.003.454	5.622.190.590	1.734.342.180
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	4.511.266.447	560.999.529	212.706.412	2.706.412
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Chính Toyota Việt Nam	160.215.078	21.015.078	184.373.898	45.173.898
Trên 5 năm	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.573.672.809</b>	<b>3.322.646.715</b>	<b>14.709.798.380</b>	<b>4.206.819.866</b>
				<b>10.502.978.514</b>

**d) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ**

32 Thach Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**21 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu(*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01.01.2023</b>	<b>4.206.517.150.000</b>	<b>11.820.503.474</b>	<b>4.210.358.842</b>	<b>529.137.426.179</b>	<b>4.751.685.438.495</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	64.571.748.430	64.571.748.430
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	885.761.581	-	(885.761.581)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(885.761.581)	(885.761.581)
Chia cổ tức	-	-	-	(210.325.857.500)	(210.325.857.500)
<b>Tại ngày 30.06.2023</b>	<b>4.206.517.150.000</b>	<b>12.706.265.055</b>	<b>4.210.358.842</b>	<b>381.611.793.947</b>	<b>4.605.045.567.844</b>
<b>Tại ngày 01.01.2024</b>	<b>4.206.517.150.000</b>	<b>12.706.265.055</b>	<b>4.210.358.842</b>	<b>313.084.463.147</b>	<b>4.536.518.237.044</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	101.709.067.077	101.709.067.077
Trích quỹ đầu tư phát triển (1)	-	1.643.051.036	-	(1.643.051.036)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	-	(1.643.051.036)	(1.643.051.036)
<b>Tại ngày 30.06.2024</b>	<b>4.206.517.150.000</b>	<b>14.349.316.091</b>	<b>4.210.358.842</b>	<b>411.507.428.152</b>	<b>4.636.584.253.085</b>

(1) Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 1.643.051.036 VND và quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 1.643.051.036 VND.

(\*) Theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Phương án chào bán 210.325.857 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với thời gian dự kiến thực hiện năm 2024 - 2025.

**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**21 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30.06.2024		Tại ngày 01.01.2024	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Hồ Minh Hoàng	1.458.241.920.000	34,67%	1.458.241.920.000	34,67%
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	725.843.530.000	17,26%	725.843.530.000	17,26%
Võ Thụy Linh	257.472.570.000	6,12%	257.472.570.000	6,12%
Công ty Cổ phần Đèo Cả Capital (Tên cũ Công ty TNHH Đèo Cả Capital)	217.686.300.000	5,17%	217.686.300.000	5,17%
Khuông Văn Cường	217.500.000.000	5,17%	217.500.000.000	5,17%
Đối tượng khác	1.329.772.830.000	31,61%	1.329.772.830.000	31,61%
<b>Cộng</b>	<b>4.206.517.150.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>4.206.517.150.000</b>	<b>100,00%</b>

**21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu kỳ	4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	210.325.857.500

**21.4 Cổ phiếu**

	Tại ngày 30.06.2024		Tại ngày 01.01.2024	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	420.651.715	-	420.651.715	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	420.651.715	-	420.651.715	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	420.651.715	-	420.651.715	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.



**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

	30.06.2024	01.01.2024
Các khoản ngoại tệ		
Dollar Mỹ (USD)	200,08	200,08

**VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.535.779.529.629</b>	<b>958.149.455.711</b>
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.460.657.547.497	889.547.246.592
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.750.642.026	37.600.393.352
Doanh thu bán hàng hóa	11.825.834.202	20.285.985.996
Doanh thu bất động sản đầu tư	8.545.505.904	10.715.829.771
Các khoản giảm trừ	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.535.779.529.629</b>	<b>958.149.455.711</b>

**Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan**

<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	411.904.109.149	552.916.018.677
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	41.451.332.398	30.973.286.105
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	6.877.968.030	10.272.945.645
<i>Doanh thu bất động sản đầu tư</i>	-	5.689.646.805

**2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Giá vốn xây dựng	2.283.654.874.765	800.468.754.108
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	51.374.489.847	32.440.136.171
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.123.837.904	20.286.157.118
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	3.901.144.059	4.081.963.237
<b>Cộng</b>	<b>2.350.054.346.575</b>	<b>857.277.010.634</b>

**VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2024	30.06.2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.711.510.190	95.580.545.868
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.636.000.000	-
Khác	438.008	-
<b>Cộng</b>	<b>61.347.948.198</b>	<b>95.580.545.868</b>

**4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2024	30.06.2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	26.195.169.023	35.722.319.351
Lỗ từ thoái vốn công ty con	-	31.148.780.488
Chi phí phát hành trái phiếu	763.636.362	763.636.362
Khác	320.493.738	-
<b>Cộng</b>	<b>27.279.299.123</b>	<b>67.634.736.201</b>

**5 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2024	30.06.2023
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.071.035.254	4.944.708.261
Chi phí nhân viên	36.222.895.094	28.083.535.293
Chi phí khấu hao	3.267.666.341	2.337.120.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.298.392.429	41.698.764.870
Các khoản chi phí QLDN khác	10.195.614.049	4.556.833.586
<b>Cộng</b>	<b>94.055.603.167</b>	<b>81.620.962.113</b>

**6 THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2024	30.06.2023
	VND	VND
Lãi từ thanh lý TSCĐ	-	32.006.638.746
Các khoản khác	12.023.571	2.450.354.597
<b>Cộng</b>	<b>12.023.571</b>	<b>34.456.993.343</b>

05011720  
CÔNG TY  
TNHH  
CH VỤ TƯ VẤN  
CHÍNH KẾ TÍNH  
VÀ KIỂM TOÁN  
PHÍA NAM  
- T.P.HỒ C

CỔ PH  
DE  
G R  
DN: 0

**VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**7 CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Các khoản khác	3.563.013	113.900.461
<b>Cộng</b>	<b>3.563.013</b>	<b>113.900.461</b>

**8 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.042.037.220.337	479.156.193.658
Chi phí nhân công	190.664.577.653	147.039.482.672
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.613.503.711	46.402.299.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.099.184.821	509.607.974.592
Chi phí khác bằng tiền khác	60.439.999.220	38.739.750.060
<b>Cộng</b>	<b>2.513.854.485.742</b>	<b>1.220.945.700.092</b>

**9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	24.037.622.443	16.968.637.083
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>24.037.622.443</b>	<b>16.968.637.083</b>

**VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ trong tương lai:** Không có

**2 Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:** Không có

**3 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:**

	<b>Kỳ 06 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.06.2024</b>	<b>30.06.2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	232.768.536.365	290.526.669.472

**4 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:**

	<b>Kỳ 06 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.06.2024</b>	<b>30.06.2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	329.865.518.172	190.441.937.565

**VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<b>30.06.2024</b>	<b>01.01.2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đến 1 năm	14.486.012.052	14.486.012.052
Từ 1 đến 5 năm	68.369.298.970	55.318.486.918
Trên 5 năm	13.482.406.846	19.290.212.872
<b>Cộng</b>	<b>96.337.717.868</b>	<b>89.094.711.842</b>

**VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác (tiếp theo)**

**b) Cam kết cho thuê hoạt động**

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<b>30.06.2024</b>	<b>01.01.2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đến 1 năm	34.093.233.780	34.687.727.640
<b>Cộng</b>	<b>34.093.233.780</b>	<b>34.687.727.640</b>



**c) Cam kết vốn**

Theo thỏa thuận tại hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 01/HĐ.BOT- UBND giữa UBND Tỉnh Cao Bằng (Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền) với Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Giao thông Đèo Cả - Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 568 (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (Doanh nghiệp dự án).

Theo thỏa thuận tại hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 12/HĐ.BOT- LANGSON giữa UBND Tỉnh Lạng Sơn (Cơ quan có thẩm quyền) với Liên danh Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả - Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 568 - Công ty Cổ phần Lizen (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng (Doanh nghiệp dự án).

Công ty cam kết có góp vốn vào doanh nghiệp dự án trong tương lai theo thỏa thuận tại hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) được trình bày như sau:

	<b>30.06.2024</b>	<b>01.01.2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đến 1 năm	338.760.803.500	259.613.000.000
Từ 1 đến 5 năm	587.910.696.500	532.658.500.000
<b>Cộng</b>	<b>926.671.500.000</b>	<b>792.271.500.000</b>



**2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2024: Không phát sinh**

**3 Thông tin về các bên liên quan: Xem phụ lục 1**

**VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**4 Thông tin bộ phận**

**a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023				Tổng cộng
	Bán hàng	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản đầu tư	
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	20.285.985.996	37.600.393.352	889.547.246.592	10.715.829.771	958.149.455.711
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20.285.985.996</b>	<b>37.600.393.352</b>	<b>889.547.246.592</b>	<b>10.715.829.771</b>	<b>958.149.455.711</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(171.122)	5.160.257.181	89.078.492.484	6.633.866.534	100.872.445.077
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(81.620.962.113)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>19.251.482.964</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					95.580.545.868
Chi phí tài chính					(67.634.736.201)
Thu nhập khác					34.456.993.343
Chi phí khác					(113.900.461)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(16.968.637.083)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>64.571.748.430</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác					(97.240.404.823)
Tổng chi phí khấu hao					(46.402.299.110)

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Thông tin bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024				Tổng cộng
	Bán hàng	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản đầu tư	
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.825.834.202	54.750.642.026	2.460.657.547.497	8.545.505.904	2.535.779.529.629
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11.825.834.202</b>	<b>54.750.642.026</b>	<b>2.460.657.547.497</b>	<b>8.545.505.904</b>	<b>2.535.779.529.629</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	701.996.298	3.376.152.179	177.002.672.732	4.644.361.845	185.725.183.054
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(94.055.603.167)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>91.669.579.887</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					61.347.948.198
Chi phí tài chính					(27.279.299.123)
Thu nhập khác					12.023.571
Chi phí khác					(3.563.013)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(24.037.622.443)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>101.709.067.077</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác					(41.863.473.956)
Tổng chi phí khấu hao					(66.613.503.711)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÉO CÁ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**4 Thông tin bộ phận (tiếp theo)**

**a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh

	Tại ngày 01.01.2024				Tổng cộng
	Bán hàng	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản đầu tư	
Tài sản bộ phận	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản không phân bổ	46.190.444.038	148.134.986.690	6.478.948.096.111	168.919.895.112	6.842.193.421.950
<b>Tổng tài sản</b>	<b>46.190.444.038</b>	<b>148.134.986.690</b>	<b>6.478.948.096.111</b>	<b>168.919.895.112</b>	<b>10.347.989.153.182</b>
Nợ phải trả bộ phận	40.044.114.561	128.423.410.969	5.616.827.142.523	26.176.248.085	5.811.470.916.138
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>40.044.114.561</b>	<b>128.423.410.969</b>	<b>5.616.827.142.523</b>	<b>26.176.248.085</b>	<b>5.811.470.916.138</b>





VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Thông tin bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Tại ngày 30.06.2024				Tổng cộng
	Bán hàng	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản đầu tư	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	33.050.029.778	153.013.336.599	6.876.876.829.894	166.913.695.032	7.229.853.891.303
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	3.121.854.162.156
<b>Tổng tài sản</b>	<b>33.050.029.778</b>	<b>153.013.336.599</b>	<b>6.876.876.829.894</b>	<b>166.913.695.032</b>	<b>10.351.708.053.459</b>
Nợ phải trả bộ phận	26.652.990.024	123.396.649.303	5.545.814.354.108	19.259.806.938	5.715.123.800.374
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>26.652.990.024</b>	<b>123.396.649.303</b>	<b>5.545.814.354.108</b>	<b>19.259.806.938</b>	<b>5.715.123.800.374</b>

**VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**4 Thông tin bộ phận (tiếp theo)**

**b) Báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023		
	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	148.797.742.292	754.202.255.803	55.149.457.616
Tài sản bộ phận	1.349.407.542.992	6.839.661.659.148	500.135.909.004
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			8.689.205.111.145 (97.240.404.823)

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024		
	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	43.479.817.729	2.090.371.045.390	401.928.666.510
Tài sản bộ phận	177.495.864.325	8.533.435.392.330	1.640.776.796.805
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			10.351.708.053.459 (41.863.473.956)



VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5 Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Tài sản tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	30.06.2024		01.01.2024		01.01.2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.088.027.155.398	-	1.513.406.306.325	-	1.088.027.155.398	1.513.406.306.325
Phải thu khách hàng	1.702.412.219.557	-	1.547.548.881.468	-	1.702.412.219.557	1.547.548.881.468
Trả trước cho người bán	1.701.117.176.653	-	1.003.372.199.468	-	1.701.117.176.653	1.003.372.199.468
Các khoản phải thu khác	898.680.595.468	-	730.974.941.533	-	898.680.595.468	730.974.941.533
Đầu tư tài chính ngắn hạn	187.745.498.478	-	488.655.245.726	-	187.745.498.478	488.655.245.726
Cho vay	478.248.579.865	-	806.679.698.941	-	478.248.579.865	806.679.698.941
Đầu tư tài chính dài hạn	2.643.605.582.291	-	2.699.116.032.291	-	2.643.605.582.291	2.699.116.032.291
<b>Cộng</b>	<b>8.699.836.807.710</b>	-	<b>8.789.753.305.752</b>	-	<b>8.699.836.807.710</b>	<b>8.789.753.305.752</b>

**VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**5 Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

**b) Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	30.06.2024		01.01.2024		30.06.2024	01.01.2024
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Phải trả cho người bán	1.121.600.447.528	-	867.385.605.965	-	1.121.600.447.528	867.385.605.965
Người mua trả tiền trước	3.076.762.815.227	-	3.444.734.763.873	-	3.076.762.815.227	3.444.734.763.873
Vay và nợ	985.561.686.634	-	1.081.895.032.079	-	985.561.686.634	1.081.895.032.079
Phải trả người lao động	25.415.004.614	-	38.647.606.489	-	25.415.004.614	38.647.606.489
<b>Cộng</b>	<b>5.209.339.954.003</b>	<b>-</b>	<b>5.432.663.008.406</b>	<b>-</b>	<b>5.209.339.954.003</b>	<b>5.432.663.008.406</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**

**a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**b) Rủi ro thanh toán**

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh toán. Rủi ro thanh toán của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh toán thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

b) Rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 30.06.2024	Dưới 1 năm VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Phải trả cho người bán	805.956.481.098	315.643.966.430	-	1.121.600.447.528
Người mua trả tiền trước	6.676.094.972	3.070.086.720.255	-	3.076.762.815.227
Vay và nợ	707.068.403.225	278.493.283.409	-	985.561.686.634
Chi phí phải trả	137.796.409.898	-	-	137.796.409.898
Các khoản phải trả phải nộp khác	357.158.869.198	30.446.000.000	-	387.604.869.198
<b>Cộng</b>	<b>2.014.656.258.391</b>	<b>3.694.669.970.094</b>	<b>-</b>	<b>5.709.326.228.485</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

## VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

#### c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

##### - Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

##### - Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

##### - Rủi ro về giá

###### + Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

## **VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

### **6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)**

#### **c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

- Rủi ro về giá (tiếp theo)

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

### **7 Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

### **8 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCs). Số liệu so sách cùng kỳ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giai đoạn 06 tháng đầu năm 2023 kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét bởi đơn vị kiểm toán này. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu so sánh kỳ này.

TP.HCM, ngày 27 tháng 08 năm 2024

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Lê Công Nghĩa**

**An Văn Thiện**



**Khương Văn Cường**



## PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

### I DANH SÁCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh.
Hồ Minh Hoàng	Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT
Võ Thụy Linh	Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT
Khuong Văn Cương	Cổ đông lớn, Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Minh Giang.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Ngô Trường Nam.
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh.
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Minh Giang.
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Trịnh Công Hải.
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Ánh.
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của Ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phùng Tiến Thành, ông Võ Thụy Linh.
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Vĩnh, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Hữu Hùng.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty con, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Vĩnh, ông Lê Quỳnh Mai, ông Nguyễn Hữu Hùng.



## **PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

### **I DANH SÁCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Xây Dựng Kinh Bắc Thăng Long	Công ty con của Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Hữu Hùng.
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng; ông Nguyễn Quang Vĩnh.
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông.
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh.
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty con của Công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phạm Ngọc Quý.
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang.
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cương, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Ánh.
Công ty Cổ phần Đèo Cả Capital (Tên cũ Công ty TNHH Đèo Cả Capital)	Cổ đồng, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Phạm Ngọc Quý.
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cương, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Ánh.
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Ánh; ông Nguyễn Minh Giang.
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cương.
Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng	Công ty liên quan của ông Lê Quỳnh Mai, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quang Vĩnh
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Minh Giang.
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và công nghiệp TLH	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quang Vĩnh, ông Nguyễn Minh Giang.

**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

**- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:**

	<b>Kỳ 06 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.06.2024 (*)</b>	<b>30.06.2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</b>	<b>1,262,500,000</b>	<b>1,146,666,667</b>
<b>1. Hội đồng quản trị</b>	<b>1,112,500,000</b>	<b>996,666,667</b>
Hồ Minh Hoàng            Chủ tịch	180,000,000	180,000,000
Võ Thụy Linh              Phó chủ tịch	120,000,000	120,000,000
Nguyễn Tấn Đông        Phó chủ tịch	120,000,000	120,000,000
Phan Văn Thắng         Phó chủ tịch	120,000,000	120,000,000
Phùng Tiến Thành       Phó chủ tịch	120,000,000	120,000,000
Nguyễn Quốc Ánh       Phó chủ tịch	120,000,000	120,000,000
Nguyễn Hữu Hùng       Phó chủ tịch	120,000,000	120,000,000
Lê Quỳnh Mai            Phó Chủ tịch	120,000,000	6,666,667
	(từ ngày 20/06/2023)	
Nguyễn Văn Hải         Thành viên	-	85,000,000
	(đến ngày 20/06/2023)	
Ngô Văn Quý             Thành viên độc lập	90,000,000	5,000,000
	(từ ngày 20/06/2023)	
Nguyễn Minh Giang     Thành viên	2,500,000	-
	(từ ngày 26/06/2024)	
<b>2. Ban Kiểm soát</b>	<b>150,000,000</b>	<b>150,000,000</b>
Tôn Quang Hùng         Trưởng Ban	90,000,000	90,000,000
Nguyễn Chí Trung       Thành viên	-	30,000,000
	(đến ngày 30/11/2023)	
Phạm Văn Hùng         Thành viên	29,166,667	30,000,000
	(đến ngày 26/06/2024)	
Hồ Thị Hường            Thành viên	30,000,000	-
	(từ ngày 30/11/2023)	
Phạm Ngọc Quý         Thành viên	833,333	-
	(từ ngày 26/06/2024)	

(\*) Theo nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2024 ĐHĐCĐ thông qua việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2024 theo Tờ trình số 02/2024/Tr-HĐQT ngày 27/05/2024.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo)****- Các giao dịch khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Hồ Minh Hoàng	Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT	Trả cổ tức	-	82.912.096.000
Võ Thụy Linh	Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT	Trả cổ tức	-	12.873.628.500
Nguyễn Quốc Ánh	Phó Chủ tịch HĐQT	Trả cổ tức	-	98.866.500
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	Trả cổ tức	-	12.496.500
Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch HĐQT	Trả cổ tức	-	42.549.000
Ngô Văn Quý	Thành viên HĐQT độc lập	Trả cổ tức	-	280.000.000
Khương Văn Cương	Cổ đông lớn, Tổng Giám đốc	Trả cổ tức	-	10.875.000.000
Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	Trả cổ tức	-	18.886.500



II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

- 1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo)  
- Các giao dịch khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Hồ Đình Chung	Tổng Giám đốc (đến ngày 30/05/2023)	Trả cổ tức	-	19.995.000
Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	Trả cổ tức	-	187.711.500
Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Trả cổ tức	-	206.437.500
Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Trả cổ tức	-	22.359.000
Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Trả cổ tức	-	11.285.975.000
Nguyễn Chí Trung	Thành viên ban kiểm soát (đến ngày 30/11/2023)	Trả cổ tức	-	15.546.500

**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**2 Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2024	30.06.2023
			VND	VND
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh.	Mua hàng hóa, dịch vụ Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Trả cổ tức	166,666,667 -	500,606,061 131,412,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang.	Mua hàng hóa, dịch vụ Thu gốc cho vay Cho vay Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Lãi cho vay Góp vốn Phải thu từ nhận chuyển nhượng cổ phần	70,128,339,211 - - 45,948,293,147 - 15,047,550,000 114,000,000,000	187,900,768,274 55,036,895,603 14,950,000,000 24,024,621,791 635,545,500 -
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Ngô Trường Nam.	Mua hàng hóa, dịch vụ Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Góp vốn Mua tài sản cố định	283,105,132,091 19,787,501,199 - 560,250,000	160,912,176,055 19,762,648,363 188,500,000,000 -

<b>II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)</b>		<b>Kỳ 06 tháng kết thúc ngày</b>	
<b>2</b>	<b>Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)</b>	<b>30.06.2024</b>	<b>30.06.2023</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Minh Giang.	Mua hàng hóa, dịch vụ Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	8.036.159.170 2.541.293.942
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Ánh.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	4.327.909
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của Ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phùng Tiến Thành, ông Võ Thụy Linh.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	557.120.115 682.188.533
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Vinh, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Hữu Hùng.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	644.809.174 540.940.248





II	GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
				30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
2	Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)				
	<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>			
	Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Trịnh Công Hải.	Thu gốc cho vay Cho vay Lãi cho vay	- - -	117.400.000.000 111.600.000.000 509.983.562
	Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh.	Nhận cổ tức Hoàn trả lại tiền góp vốn	12.636.000.000 -	- 77.400.000.000
	Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh.	Góp vốn Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	- 519.812.019 59.386.974	165.000.000.000 3.224.359 -
	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Hữu Hùng.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	398.338.923	7.885.938.827

79



**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**  
**2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	325.031.288.206	479.770.160.897
		Góp vốn	-	71.700.000.000
		Lãi cho vay	8.796.161.151	19.695.737.292
		Cho vay	-	2.954.243.559
		Thu gốc cho vay	293.983.236.324	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty con của Công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý.	Lãi cho vay	-	700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang.	Thu gốc cho vay	76.250.000.000	132.781.000.000
		Lãi cho vay	16.884.514.585	26.448.282.279
		Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	69.074.210	64.416.355
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cường, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	44.652.170.890	28.755.392.617
		Góp vốn	11.942.000.000	154.283.460.000
		Lãi cho vay	778.346.112	6.027.102.998

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng	Công ty liên quan của ông Lê Quỳnh Mai, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quang Vinh	Góp vốn	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Ánh.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ Cho vay Lãi cho vay Thu gốc cho vay	21.463.620.045 19.295.591.494 8.500.000.000 331.507 8.500.000.000	35.170.279.846 4.046.152.488 - - -
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh; ông Nguyễn Minh Giang.	Lãi cho vay	1.364.800.546	1.360.150.685



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2024	30.06.2023
			VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cường.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	233.647.221	-
		Mua hàng hóa, dịch vụ	181.328.537.732	-
		Mua tài sản cố định	467.710.800	-
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.	Lãi cho vay	1.361.257.535	8.281.092.878
		Mua hàng hóa, dịch vụ	1.435.200.000	1.297.200.000
		Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	60.374.029	-
		Cho vay	40.000.000.000	8.550.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh (đến ngày 18/03/2023)	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	1.111.500.000
		Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	-	501.946.591
		Lãi cho vay	-	271.359.589

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Công ty Cổ phần Đèo Cả Capital (Tên cũ Công ty TNHH Đèo Cả Capital)	Cổ đồng, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Phạm Ngọc Quý.	Nhận cổ tức	-	10.884.315.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Minh Giang.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Nhận gốc vay Trả nợ gốc vay Lãi đi vay	- 500.000.000 1.256.429.042	13.104.954 26.400.000.000 - -
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.	Lãi cho vay Mua hàng hóa, dịch vụ	16.115.724 1.392.000.000	16.328.766 464.000.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty con, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Vĩnh, ông Lê Quỳnh Mai, ông Nguyễn Hữu Hùng.	Góp vốn	25.500.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ**

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2024	01.01.2024
<b>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông.	Cung cấp dịch vụ xây dựng	340.456.315.504	363.047.500.883
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của Ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phùng Tiến Thành, ông Võ Thụy Linh.	Cung cấp dịch vụ xây dựng	271.698.767.218	276.858.330.537
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Vĩnh, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Hữu Hùng.	Cung cấp dịch vụ xây dựng	114.075.318.721	124.197.033.248
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cương, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Ánh.	Cung cấp dịch vụ xây dựng	99.054.501.920	95.553.352.356
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cương, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Ánh.	Cung cấp dịch vụ khác	72.741.374.972	65.733.167.459
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Minh Giang.	Cung cấp dịch vụ xây dựng	45.684.224.802	33.366.221.159



**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Ngô Trường Nam.	Cung cấp dịch vụ khác	23.860.105.836	12.533.392.864
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Minh Giang.	Cung cấp dịch vụ xây dựng	7.928.163.584	9.501.711.868
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.	Cung cấp dịch vụ khác	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Hữu Hùng.	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.334.313.400	2.316.052.275
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đồng lớn, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh.	Cung cấp dịch vụ khác	1.491.552.907	1.491.552.907
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh.	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.639.336	89.103.787

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.	Cung cấp dịch vụ khác	544.068.163	478.864.212
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cường.	Cung cấp dịch vụ khác	314.077.664	61.738.665
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh.	Cung cấp dịch vụ khác	-	2.624.700
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh.	Cung cấp dịch vụ khác	106.900.000	106.900.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng; ông Nguyễn Quang Vĩnh.	Cung cấp dịch vụ khác	95.349.930	95.349.930
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang.	Cung cấp dịch vụ khác	62.099.058	62.099.058
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang.	Cung cấp dịch vụ khác	74.486.458	23.852.909
<b>Cộng</b>			<b>985.603.259.473</b>	<b>990.518.848.817</b>



**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>30.06.2024</b> VND	<b>01.01.2024</b> VND
<b>b) Trả trước cho nhà cung cấp ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Ngo Trường Nam.	Dịch vụ xây lắp	223.607.073.857	34.605.068.101
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang.	Dịch vụ xây lắp	133.302.936.229	40.853.743.708
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang.	Dịch vụ xây lắp	33.487.391.488	33.487.391.488
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Minh Giang.	Dịch vụ bảo vệ	920.103.450	210.784.168
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiên Thành, ông Nguyễn Quốc Anh.	Dịch vụ xây lắp	7.051.306.875	1.332.946.437
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cường.	Dịch vụ xây lắp	1.702.225.553	191.378.167
<b>Cộng</b>			<b>400.071.037.452</b>	<b>110.681.312.069</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>30.06.2024</b>	<b>01.01.2024</b>
<b>c) Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang.	Cho vay ngắn hạn	325.082.155.384	401.332.155.384
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.	Cho vay ngắn hạn	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh; ông Nguyễn Minh Giang.	Cho vay ngắn hạn	27.100.000.000	27.100.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cường, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh.	Cho vay ngắn hạn	17.151.856.651	16.373.510.539
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.	Cho vay ngắn hạn	320.000.000	320.000.000
<b>Cộng</b>			<b>409.654.012.035</b>	<b>445.125.665.923</b>

<b>III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)</b>		<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>30.06.2024</b>	<b>01.01.2024</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>d) Phải thu về cho vay dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông.	Cho vay dài hạn	18.198.409.845	303.385.485.018
<b>Cộng</b>			<b>18.198.409.845</b>	<b>303.385.485.018</b>
<b>e) Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang.	Lãi cho vay	97.772.541.252	80.888.026.667
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cường, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh.	Góp vốn	-	11.942.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh; ông Nguyễn Minh Giang.	Lãi cho vay	8.718.511.229	7.353.710.683
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh.	Khác	1.737.666.006	541.759.963

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
e) Các khoản phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.	Lãi cho vay	1.361.257.535	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Ngô Trường Nam.	Lãi cho vay	297.633.166	981.300.374
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đồng lớn, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh.	Lãi cho vay	247.912.329	247.912.329
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang.	Lãi cho vay	78.945.263	78.945.263
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.	Phải thu từ nhận chuyển nhượng cổ phần Khác Lãi cho vay	114.000.000.000 322.229.576 65.355.391	- - 49.239.667
<b>Cộng</b>			<b>224.602.051.747</b>	<b>102.082.894.946</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
<b>f) Các khoản phải thu dài hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông.	Ký quỹ, ký cược	303.569.910	303.569.910
Cộng			<u>303.569.910</u>	<u>303.569.910</u>
<b>g) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Ngo Trường Nam.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	100.318.325.467	80.049.779.945
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Minh Giang.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	120.647.787.171	171.828.670.336
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cương, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Ánh.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	20.039.255.683	59.938.212.941
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cương.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	92.442.968.547	37.342.824.187

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**III SƠ DỮ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2024	01.01.2024
<b>g) Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)</b>			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cà	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Minh Giang.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	633.074.197	6.002.242.839
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cà	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	3.955.336.000	5.948.256.000
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	2.579.080.000	2.399.080.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	886.400.000	255.200.000
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cà	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	1.578.720.000	263.120.000

**Cộng****343.080.947.065****364.027.386.248**

**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>30.06.2024</b>	<b>01.01.2024</b>
<b>h) Người mua ứng tiền trước ngắn hạn</b>			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của Ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phùng Tiến Thành, ông Võ Thụy Linh.	Dịch vụ xây lắp	5.081.892.200	2.788.989.592
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng; ông Nguyễn Quang Vĩnh.	Dịch vụ xây lắp	524.054.900	524.054.900
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cường, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh.	Dịch vụ xây lắp	157.107.234	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Vĩnh, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Hữu Hùng.	Dịch vụ xây lắp	543.049.416	-
<b>Cộng</b>			<b>6.306.103.750</b>	<b>3.313.044.492</b>



III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
i) Người mua ứng tiền trước dài hạn				
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông.	Dịch vụ xây lắp	-	84.005.735.488
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cương, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh.	Dịch vụ xây lắp	-	23.676.291.150
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của Ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phùng Tiến Thành, ông Võ Thụy Linh.	Dịch vụ xây lắp	-	2.292.902.608
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang.	Dịch vụ xây lắp	1.083.029.428	1.083.029.428
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Vinh, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Hữu Hùng.	Dịch vụ xây lắp	-	543.049.416
<b>Cộng</b>			<b>1.083.029.428</b>	<b>111.601.008.090</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ**

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2024	01.01.2024
<b>j) Phải trả ngắn hạn khác</b>			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cà	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cương, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh.	Khác	105.000.000.000	105.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cà	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang.	Khác Nhận ký cược, ký quỹ	28.485.639.777 100.000.000	17.484.458.897 100.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang.	Lãi vay	3.094.592.329	1.838.163.287
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty con của Công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cà, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý.	Lãi vay	719.987.208	719.987.208
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Trịnh Công Hải.	Khác	501.156.164	501.156.164
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Ngô Trường Nam.	Khác	219.747.945	219.747.945
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cà Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cà, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Hữu Hùng.	Nhận ký cược, ký quỹ	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>			<b>138.171.123.423</b>	<b>125.913.513.501</b>

**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
<b>k) Phải trả người bán dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	322.920.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	50.655.042.702	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	53.064.710.334	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Ngô Trường Nam.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	14.052.732.268	-
<b>Cộng</b>			<b>118.095.405.304</b>	
<b>l) Vay ngắn hạn</b>				
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang.	Vay ngắn hạn phải trả	25.900.000.000	26.400.000.000
<b>Cộng</b>			<b>25.900.000.000</b>	<b>26.400.000.000</b>

